

Bản án số: 25/2019/HS-PT

Ngày 29-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà.

Các Thẩm phán: Ông Ma Ngọc Trung;

Ông Lê Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 41/2019/TLPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Viết Đ và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2019/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Viết Đ**, sinh ngày 20/6/1986 tại huyện Y, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKKHKT: thôn 7, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Nơi tạm trú: thôn H, xã H, huyện C, Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Viết M, sinh năm 1962 và bà Lê Thị C, sinh năm 1962; có vợ: Lý Thị N, sinh năm 1986 và có 01 con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Quan Văn N1**, sinh ngày 19/9/1984 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quan Văn T, sinh năm 1962 và bà Lý Thị V, sinh năm 1960; có vợ Quan Thị L, sinh năm 1985 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013;

Tiền sự: Ngày 11/3/2018, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 17/4/2018).

Tiền án: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lý Văn D**, sinh ngày 30/12/1982 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Công N, sinh năm 1958 và bà Lý Thị E, sinh năm 1960; có vợ Quan Thị V, sinh năm 1983 và có 01 con, sinh năm 2005;

Tiền sự: Ngày 11/3/2018, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (nộp phạt ngày 07/5/2018).

Tiền án: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa:* Bà Nguyễn Thị N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang là người bào chữa cho bị cáo Quan Văn N1. *Có mặt tại phiên tòa.*

Ngoài ra, trong vụ án còn có 11 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/12/2018, Phạm Viết Đ cùng với Lý Thị N (là vợ Đ) đang ở quán bán hàng tạp hóa của mình thuộc thôn H, xã H, huyện C thì thấy Lý Văn T, Lý Văn D, Lưu Văn H, Đặng Thị T1, Trần Ngọc T2, Quyền Văn H1, Hà Phúc N2, Vương Văn H2, Quan Văn N1, Hoàng Văn G lần lượt đến cùng ngồi uống nước nói chuyện tại quán. Trong thời gian ngồi uống nước, nói chuyện thì T lấy 01 que đóm rồi đưa cho T2, T2 lấy bút dạ phủ đen 01 mặt que đóm rồi cắt thành 04 quân bạc, sau đó tiếp tục đi vào quán của Đ lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ. Biết T2 chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc nên Lý Văn T, Trần Ngọc T2, Hà Phúc N2, Vương Văn H2, Quan Văn N1, Hoàng Văn G, Phạm Viết Đ, Quyền Văn H1 cùng nhau đi đến nền nhà cũ của ông Hoàng Văn

Đ1 ở khu vực “CT” thuộc thôn H, xã H, huyện C để đánh bạc. Khi đến nơi T, T2, N2, H2, N1, G, Đ ngồi quây tròn trên nền đất đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tính chẵn lẻ, sát phạt nhau bằng tiền, riêng H1 không đánh, đứng xem. Trước khi đánh, Đ hỏi “*có ai cầm theo bài lá để làm bảng vị không*” thì G đưa cho Đ 04 quân bài tứ lơ khơ mang theo trước đó đưa cho Đ. Mọi người thống nhất, mỗi ván đặt thấp nhất từ 10.000đ trở lên, không hạn chế tối đa, T2 là người xóc cái. Chơi được khoảng 10 phút thì Lý Thị N, Lưu Văn H, Đặng Thị T1, Lý Văn D, Phạm Xuân T3, Lý Thị E và Quan Thị V lần lượt đến tham gia đánh bạc cùng. Mọi người đánh bạc đến khi trời tối, T1, N1, T lần lượt cầm điện thoại bật chế độ đèn chiếu sáng cho mọi người đánh bạc. Quá trình đánh bạc T2 thua hết 450.000 đồng, N1 thua hết 300.000 đồng mang theo nên T2 đã cầm cố với Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A7 lấy 2.700.000 đồng; N1 cầm cố với Đ 01 sợi dây chuyền bạc lấy 1.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, ngoài ra N còn cho H2 vay 500.000 đồng để đánh bạc. Chơi được khoảng hơn 30 phút thì N1 bị thua hết tiền nên N1 thay T2 xóc cái cho mọi người đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến 19 giờ 25 phút ngày 20/12/2018, tổ Công tác đội Cảnh sát hình sự Công an huyện C phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền đối với Lý Thị N, Hà Phúc N2, Hoàng Văn G, Phạm Xuân T3, Đặng Thị T1, còn một số đối tượng khác đã bỏ chạy. Tang vật thu giữ trên chiếu bạc gồm 01 đĩa sứ; 01 bát sứ; 01 que đóm, kích thước 12cmx01cm; 04 quân bài lá tứ lơ khơ (dùng làm bảng vị); 6.240.000 đồng; thu giữ trên người Hoàng Văn G 300.000 đồng;

Quá trình điều tra chứng minh:

1. Trần Ngọc T2 là người làm quân bạc, chuẩn bị bát, đĩa và xóc cái cho các đối tượng đánh bạc; sử dụng 3.150.000 đồng tham gia đánh bạc, thua hết.
2. Phạm Viết Đ cầm bảng vị để cá cược, khi đi mang theo 6.000.000 đồng để đánh bạc, khi bỏ chạy mang theo 800.000 đồng (đã giao nộp), trong quá trình đánh bạc Đ còn nhận cầm cố của Trần Ngọc T2 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG A7 lấy 2.700.000 đồng, nhận cầm cố của Quan Văn N1 01 sợi dây chuyền bạc lấy 1.000.000 đồng để T2, N1 đánh bạc.
3. Lý Thị N sử dụng 3.080.000 đồng để đánh bạc, thua hết; ngoài ra còn cho Vương Văn H2 vay 500.000 đồng để H2 đánh bạc.
4. Vương Văn H2 sử dụng 1.450.000 đồng để đánh bạc, khi bỏ chạy mang theo 100.000 đồng (đã giao nộp).
5. Quan Văn N1 tham gia xóc cái và sử dụng 1.300.000 đồng để đánh bạc, khi bỏ chạy mang theo 200.000 đồng (đã giao nộp).
6. Lý Văn T sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, thua hết.
7. Lưu Văn H sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, thua hết.
8. Đặng Thị T1 sử dụng 450.000 đồng để đánh bạc, thua hết.

9. Phạm Xuân T3 sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, thua hết.
10. Lý Văn D sử dụng 270.000 đồng để đánh bạc, thắng 130.000 đồng, khi bỏ chạy mang theo 400.000 đồng (đã giao nộp).
11. Hà Phúc N2 sử dụng 250.000 đồng để đánh bạc, thua hết.
12. Hoàng Văn G sử dụng 80.000 đồng để đánh bạc, thắng 220.000 đồng, khi bị bắt mang theo 300.000 đồng (đã giao nộp).
13. Lý Thị E sử dụng 20.000 đồng để đánh bạc, thua hết.
14. Quan Thị V sử dụng 20.000 đồng để đánh bạc, thua hết.

Quá trình điều tra các bị cáo đều khai nhận số tiền 8.040.000 đồng bao gồm tiền thu giữ tại chiếu bạc 6.240.000 đồng và 300.000 đồng thu giữ trên người Hoàng Văn G; Quan Văn N1 giao nộp 200.000 đồng; Phạm Viết Đ giao nộp 800.000 đồng; Vương Văn H2 giao nộp 100.000 đồng; Lý Văn D giao nộp 400.000 đồng là tiền đánh bạc. Tuy nhiên, tổng số tiền đã thu giữ nêu trên không phù hợp với tổng số tiền các bị cáo khai đem theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc là 17.670.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Viết Đ, Quan Văn N1, Lý Văn D; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Quan Văn N1, Lý Văn D.

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Viết Đ, Quan Văn N1, Lý Văn D phạm tội: “Đánh bạc”.

- Xử phạt Phạm Viết Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án.

- Xử phạt Quan Văn N1 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án.

- Xử phạt Lý Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 11 bị cáo khác từ Cảnh cáo đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, các bị cáo Phạm Viết Đ, Quan Văn N1, Lý Văn D có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt, cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lý Văn D và Quan Văn N1 xin rút toàn bộ kháng cáo, bị cáo Phạm Viết Đ giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án của các Cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo Quan Văn N1 và bị cáo Lý Văn D rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy việc rút đơn của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Viết Đ: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt Phạm Viết Đ 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc theo bản án sơ thẩm quy kết 17.670.000 đồng là không chính xác, thực tế tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đã thu được trên chiếu bạc và số tiền bị cáo khai nhận sử dụng vào việc đánh bạc đã thu giữ là 12.970.000 đồng, cụ thể:

Bị cáo Phạm Viết Đ có 6.000.000 đồng mang đi để đánh bạc, trong khi đánh bạc Đ cho Trần Ngọc T2 cầm cố điện thoại vay 2.700.000 đồng để T2 đánh bạc, cho Quan Văn N1 cầm cố dây chuyền bạc vay 1.000.000đ để đánh bạc, như vậy Đ chỉ còn số tiền 2.300.000đ để trực tiếp sử dụng vào việc đánh bạc. Nhưng bản án sơ thẩm lại quy kết Đ sử dụng số tiền vào đánh bạc là 6.000.000 đồng là không đúng. Lý Thị N lúc đầu có số tiền 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, trong khi đánh bạc vay của Vương Văn H2 500.000 đồng để đánh bạc, số tiền đánh bạc là 1.500.000đ. Sau đó N về nhà lấy thêm tiền 1.580.000đ để đánh bạc, sau khi lấy thêm tiền N đã trả cho Vương Văn H2 500.000 đồng và lại cho H2 vay 500.000đ để Hiệp đánh bạc thì Nhính chỉ còn 580.000đ sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền Lý Thị N sử dụng đánh bạc chỉ còn là 2.080.000 đồng. Nhưng bản án sơ thẩm lại quy kết N sử dụng số tiền vào đánh bạc là 3.080.000 đồng là không đúng.

Bị cáo Đ sử dụng trực tiếp vào việc đánh bạc chỉ có 2.300.000 đồng, song bị cáo lại có hành vi giúp sức cho 02 bị cáo khác đánh bạc với số tiền 3.700.000đ, cầm bằng vì nhưng không ai đặt cược. Do vậy cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp. Song xét tính chất mức độ hành vi, nhân thân của bị cáo Phạm Viết Đ thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo được chính quyền địa phương xác nhận nên đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Do vậy, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã xét xử nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ

tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo Lý Thị N và các bị cáo khác trong vụ án, tuy không có kháng cáo và không bị kháng nghị. Nhưng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc bản án sơ thẩm đã quy kết đối các bị cáo là 17.670.000 đồng; số tiền này có liên quan đến số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần thiết phải xem xét sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp với số tiền thực tế các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, theo quy định tại Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Viết Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xác định là kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Viết Đ tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, có đủ căn cứ xác định:

Vào khoảng thời gian từ 17 giờ 30 phút đến 19 giờ ngày 20/12/2018 tại khu vực “CT” thuộc thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, Trần Ngọc T2, Quan Văn N1, Lý Văn D, Phạm Viết Đ, Lý Thị N, Vương Văn H2, Lý Văn T, Lưu Văn H, Đặng Thị T1, Hà Phúc N2, Hoàng Văn G, Phạm Xuân T3, Lý Thị E, Quan Thị V đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa chặn lẻ, được thua bằng tiền, trong đó: Phạm Viết Đ sử dụng 2.300.000 đồng để đánh bạc, đồng phạm giúp sức cho Trần Ngọc T2 cầm cố điện thoại vay 2.700.000 đồng để T2 đánh bạc, cho Quan Văn N1 cầm cố dây chuyền bạc vay 1.000.000đ để đánh bạc, Quan Văn N1 tham gia xóc cái và sử dụng 1.300.000 đồng để đánh bạc; Lý Văn D sử dụng 270.000 đồng. Không xác định được người khởi xướng, rủ rờ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.970.000 đồng (*Mười hai triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*).

[3] Về tổng số tiền bị cáo Đ cùng các bị cáo khác sử dụng vào việc đánh bạc, căn cứ vào lời khai của bị cáo Đ và các lời khai của các bị cáo khác cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với bị cáo Phạm Viết Đ có 6.000.000 đồng mục đích sử dụng đánh

bạc, trong khi đánh bạc Đ cho Trần Ngọc T2 vay 2.700.000 đồng để T2 đánh bạc, cho Quan Văn N1 vay 1.000.000đ để đánh bạc. Tòa án sơ thẩm quy kết Đ sử dụng số tiền đánh bạc là 6.000.000 đồng là không phù hợp. Trong trường hợp này Đ chỉ sử dụng số tiền vào đánh bạc là 2.300.000 đồng; còn số tiền 3.700.000 đồng Đ cho Trần Ngọc T2 và Quan Văn N1 vay để đánh bạc thì T2, N1 phải chịu. Đ chỉ là đồng phạm với T2, N1 với vai trò người giúp sức (Không thể quy kết hai lần số tiền Đ sử dụng 2.700.000 đồng và T2 sử dụng 2.700.000 đồng; Đ sử dụng 1.000.000đ và N1 sử dụng 1.000.000đ vào việc đánh bạc, tổng cộng cả hai là 7.400.000 đồng).

- Đối với bị cáo Lý Thị N lúc đầu có số tiền 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, trong khi đánh bạc vay của Vương Văn H2 500.000 đồng để đánh bạc, số tiền đánh bạc là 1.500.000đ. Sau đó N về nhà lấy thêm tiền 1.580.000đ để đánh bạc, sau khi lấy thêm tiền N đã trả cho Vương Văn H2 500.000 đồng và lại cho H2 vay 500.000đ để H2 đánh bạc thì N chỉ còn 580.000đ tiếp tục sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền Lý Thị N sử dụng đánh bạc chỉ còn là 2.080.000 đồng, còn số tiền 500.000 đồng N cho H2 vay để đánh bạc thì H2 phải chịu. Bản án sơ thẩm quy kết tổng số tiền N sử dụng vào việc đánh bạc 3.080.000 đồng là không phù hợp, (N chỉ là đồng phạm giúp sức cho H2 vay số tiền 500.000đ để sử dụng đánh bạc).

Như vậy tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng để đánh bạc là 12.970.000 đồng. Tổng số tiền thu tại chiếu bạc và các bị cáo giao nộp là 8.040.000đ. Số tiền chênh lệch 4.930.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*) không chứng minh được cụ thể của từng bị cáo, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về định lượng của số tiền này.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự an toàn công cộng, các bị cáo tụ tập đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính, hành vi đó gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội khác phát triển. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Viết Đ 09 (chín) tháng tù về tội đánh bạc là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng, bị cáo Đ xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng án treo đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc trong vụ án là 12.970.000 đồng, số tiền Đ sử dụng trực tiếp vào việc

đánh bạc không nhiều (2.300.000 đồng), giúp sức cho bị cáo T2 và bị cáo N1 thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền 3.700.000đ, bị cáo có cầm bằng vị do Hoàng Văn G chuẩn bị nhưng không ai đặt cược mà các bị cáo đều thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tính chẵn lẻ sát phạt nhau bằng tiền mà người chuẩn bị bát, đĩa và xóc cái là cho các đối tượng đánh bạc là bị cáo Trần Ngọc T2.

Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét nhân thân, tính chất mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy mức án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, không có căn cứ xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo. Vì vậy, cần giữ nguyên mức hình phạt cấp sơ thẩm đã xét xử nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tại phiên tòa bị cáo Quan Văn N1 và bị cáo Lý Văn D rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy việc rút đơn của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.

[5] Đối với các bị cáo khác trong vụ án, tuy không có kháng cáo và không bị kháng nghị. Nhưng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc bản án sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo không đúng, cần thiết phải xem xét sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp theo quy định tại Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự. Cụ thể:

Đối với bị cáo Lý Thị N tổng số tiền sử dụng đánh bạc chỉ còn là 2.080.000 đồng. Nhưng bản án sơ thẩm lại quy kết N sử dụng số tiền vào đánh bạc 3.080.000 đồng là không đúng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo N với mức hình phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp.

Các bị cáo Trần Ngọc T2 tái phạm nguy hiểm, sử dụng 3.150.000 đồng vào việc đánh bạc, bị xử phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù; bị cáo Vương Văn H2 sử dụng 1.450.000đ đánh bạc bị xử phạt 07 (bảy) tháng tù hưởng án treo; Quan Văn N1 tham gia xóc cái và sử dụng 1.300.000 đồng bị xử phạt 07 (bảy) tháng tù; Lý Văn D sử dụng 270.000đ đánh bạc bị xử phạt 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo còn lại là Lý Văn T sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, bị xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ; Lưu Văn H sử dụng 600.000 đồng bị xử phạt 01 năm

cải tạo không giam giữ; Đặng Thị T1 sử dụng 450.000 đồng để đánh bạc, bị xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ; Phạm Xuân T3 sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, bị xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ; Hà Phúc N2 sử dụng 250.000 đồng để đánh bạc, bị xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ; Hoàng Văn G sử dụng 80.000 đồng để đánh bạc, bị xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ; Lý Thị E sử dụng 20.000 đồng để đánh bạc, bị xử phạt cảnh cáo; Quan Thị V sử dụng 20.000 đồng để đánh bạc, bị xử phạt cảnh cáo; Mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo như vậy là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các bị cáo Phạm Viết Đ, Quan Văn N1, Lý Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342, khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Quan Văn N1 và bị cáo Lý Văn D. Bị cáo Quan Văn N1 và bị cáo Lý Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang đối với các bị cáo Quan Văn N1 và bị cáo Lý Văn D có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29/7/2019.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357; Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Viết Đ, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang về hình phạt như sau:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Phạm Viết Đ **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thử thách **01** (một) năm **06** (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 29/7/2019.

Giao bị cáo Phạm Viết Đ cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo Phạm Viết Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/7/2019).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CQCSĐT Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Văn phòng – TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Hà